

Bản án số: 69/2026/DS-ST

Ngày: 20-5-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Thắng.

2. Ông Triệu Hoà Tây.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Mị - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2026/TLST-DS ngày 12/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXXST-DS ngày 14/4/2026 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị Kim H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số A đường L, phường P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

– *Bị đơn:* Bà Trần Tố N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số B, đường Đ, phường P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Thị Kim H trình bày: Bà Trần Tố N ở gần nhà của bà Triệu Thị Kim H và có vay tiền của bà H 02 lần: Ngày 04/5/2025 vay 70.000.000 đồng; ngày 07/5/2025 vay 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, lãi trả hàng tháng, vay không xác định thời hạn, khi nào bà H cần lấy lại tiền thì thông báo trước cho bà N 30 ngày. Bà Trần Tố N có trả lãi cho bà H được 02 tháng với số tiền lãi tổng cộng là 6.000.000 đồng vào các ngày 05/6/2025 và ngày 05/7/2025 thì ngưng đến nay dẫn đến tranh chấp. Bà H có gửi đơn đến Tổ hoà giải, tại Biên bản hòa giải ngày 03/9/2025 bà N hứa đến ngày 03/12/2025 trả đủ cho bà H 90.000.000 đồng tiền vốn gốc, thì bà H không tính lãi, nhưng đến ngày 03/12/2025 bà N vẫn không trả 90.000.000 đồng vốn gốc cho bà H.

Nay bà Hường yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà N phải thanh toán cho bà H số tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/8/2025 đến ngày 20/5/2026 với lãi suất 20%/năm, số tiền bà N đã đóng lãi vượt quy định thì bà H đồng ý từ vào vốn gốc.

Sau khi khấu trừ thì bà H yêu cầu bà N trả tiền gốc là 86.963.000 đồng, lãi là 13.617.826 đồng, tổng cộng 100.580.826 đồng. Đồng thời yêu cầu bà N phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất là 20%/năm.

– Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2026 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Tô N trình bày: Bà N thừa nhận có vay tiền của bà H 02 lần: Ngày 04/5/2025 vay 70.000.000 đồng; ngày 07/5/2025 vay 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 5%/tháng, lãi trả hàng tháng. Bà N đã đóng lãi tháng đầu ngày 06/6/2025 là 4.500.000 đồng đối với tổng số tiền vay 90.000.000 đồng. Tháng sau đó ngày 06/7/2025 thì bà H tính lãi 3%/tháng đối với số tiền 90.000.000 đồng, bà N có đóng lãi được 500.000 đồng, bà N không nhớ chính xác đóng lãi bao nhiêu, chỉ nhớ đóng cho bà H khoảng 5.700.000 đồng thì ngưng đến nay. Khi đóng lãi thì không có làm biên nhận. Tại buổi hoà giải tại phường P bà N có hứa đến ngày 03/12/2025 sẽ trả cho bà H 90.000.000 đồng nhưng do không có khả năng nên đến nay mà N vẫn chưa trả được số tiền trên cho bà H. Nay hoàn cảnh bà N khó khăn, xin trả dần cho bà H mỗi tháng 500.000 đồng và xin không trả lãi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Triệu Thị Kim H khởi kiện bị đơn bà Trần Tô N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền vay và lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại phường P, thành phố Cần Thơ nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó thay đổi yêu cầu về lãi suất, đồng ý khấu trừ số tiền bà N đã đóng lãi vượt mức quy định của pháp luật vào vốn gốc, số tiền bà N đã đóng lãi vượt quy định thì bà H đồng ý trừ vào vốn gốc. Sau khi khấu trừ thì bà H yêu cầu bà N trả số tiền gốc là 86.963.000 đồng, lãi là 13.617.826 đồng, tổng cộng 100.580.826 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu trên của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 07/8/2025 đến ngày xét xử 20/5/2026. Sau khi khấu trừ thì số tiền gốc là 86.963.000 đồng,

lãi là: $86.963.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 13.617.826 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là $100.580.826 \text{ đồng}$, vì theo bà H thì vào ngày 04/5/2025 bà N vay của bà H $70.000.000 \text{ đồng}$ và ngày 07/5/2025 vay $20.000.000 \text{ đồng}$, lãi suất thoả thuận $3.000.000 \text{ đồng}/\text{tháng}$, khoảng $3,5\%/\text{tháng}$, lãi trả hàng tháng. Thời hạn vay không xác định, lãi suất thoả thuận bằng lời nói là $3\%/\text{tháng}$, lãi suất tính của 02 lần vay trên tính từ ngày 07/5/2025. Sau khi vay tiền bà N trả lãi cho bà H được 02 tháng tổng cộng $6.000.000 \text{ đồng}$, ngày 07/6/2025 trả $3.000.000 \text{ đồng}$ và ngày 07/7/2025 trả $3.000.000 \text{ đồng}$. Từ ngày 07/7/2025 đến nay không trả lãi cũng không trả lại tiền vốn. Tại Biên bản hòa giải ngày 03/9/2025 bà N hứa đến ngày 03/12/2025 trả đủ cho bà H $90.000.000 \text{ đồng}$ tiền vốn gốc, thì bà H không tính lãi, nhưng đến ngày 03/12/2025 bà N vẫn không trả $90.000.000 \text{ đồng}$ vốn gốc cho bà H. Nay bà H chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 07/8/2025 đến ngày xét xử và yêu cầu tiếp tục trả lãi mức lãi suất $20\%/\text{năm}$ đến khi trả xong khoản nợ gốc.

[4] Xét thấy, việc vay tiền giữa hai bên có làm biên nhận ngày 04/5/2025 vay $70.000.000 \text{ đồng}$ và ngày 07/5/2025 vay $20.000.000 \text{ đồng}$, lãi suất không ghi trong biên nhận nhưng các bên xác định là vay có lãi, lãi suất 02 lần vay tính từ ngày vay lần sau là ngày 07/5/2025, hợp đồng vay xác lập giữa các bên là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, hình thức, nội dung và mục đích vay phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và vốn vay đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà N cũng thừa nhận sự việc trên, nên căn cứ vào hợp đồng vay nêu trên và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà N có vay tiền của bà H tổng cộng gốc $90.000.000 \text{ đồng}$ nên việc bà H khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn vay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà H thừa nhận bà N đã trả lãi cho bà H 02 tháng, mỗi tháng trả $3.000.000 \text{ đồng}$, cụ thể: Ngày 07/6/2025 trả lãi $3.000.000 \text{ đồng}$, ngày 07/7/2025 trả lãi $3.000.000 \text{ đồng}$. Từ ngày 07/7/2025 đến nay chưa trả lãi. Bà N cho rằng lãi suất thoả thuận tháng đầu là $5\%/\text{tháng}$, tháng sau lãi suất là $3\%/\text{tháng}$, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc thoả thuận lãi suất của các bên nêu trên, tuy nhiên bà N cho rằng đã đóng lãi được 02 tháng khoảng $5.700.000 \text{ đồng}$, bà H thì cho rằng lãi bà N đã đóng là $6.000.000 \text{ đồng}$. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất do hai bên thoả thuận nhưng không vượt quá $20\%/\text{năm}$ của khoản tiền vay, việc bà N trả lãi cho bà H với lãi suất $3.000.000 \text{ đồng}/\text{tháng}$ là vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật, phần lãi đã trả vượt giới hạn được quy định nêu trên không có hiệu lực. Căn cứ lời thừa nhận của bà H về việc bà N trả lãi $6.000.000 \text{ đồng}$ là có lợi cho bà N nên Hội đồng xét xử xác định bà N đã trả lãi cho bà H trong 02 tháng, mỗi tháng $3.000.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là $6.000.000 \text{ đồng}$. Tại phiên toà, bà H cũng đồng ý khấu trừ số tiền đã đóng lãi vượt vào gốc. Như vậy lãi suất do pháp luật quy định là: $90.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 1.494.000 \text{ đồng}$, bà N đã đóng lãi $3.000.000 \text{ đồng}$, số tiền lãi bị đơn đã đóng vượt là $1.506.000 \text{ đồng}$ sẽ trừ vào vốn gốc. Như vậy vốn gốc đến ngày 07/6/2025 còn lại là $88.494.000 \text{ đồng}$, lãi suất do pháp luật quy định là: $88.494.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 1.469.000 \text{ đồng}$, bà N đã đóng lãi $3.000.000 \text{ đồng}$, số tiền lãi bị đơn đã

đóng vượt là 1.531.000 đồng sẽ trừ vào vốn gốc. Như vậy vốn gốc đến ngày 07/7/2025 còn lại là 86.963.000 đồng. Nhưng bà H chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 07/8/2025 đến ngày xét xử 20/5/2026, lãi được tính như sau: 86.963.000 đồng x 1,66%/tháng x 09 tháng 13 ngày = 13.617.826 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 100.580.826 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của nguyên đơn, buộc bà N trả cho cho bà H tổng cộng 100.580.826 đồng.

[6] Ngoài ra, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thoả thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thì hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*. Do đó, bà H yêu cầu kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc cho bà H, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bà Ngân đồng ý trả số tiền gốc cho bà H nhưng đề nghị không trả lãi và đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà N phải chịu 5.029.041 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của bà H được chấp nhận. Nguyên đơn bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Kim H.

Buộc bà Trần Tố N trả cho bà Triệu Thị Kim H số tiền vốn và lãi vay tổng cộng 100.580.826 đồng (trong đó gốc là 86.963.000 đồng, lãi là 13.617.826 đồng).

Kể từ ngày 21/5/2026 bà Trần Tố N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho bà Triệu Thị Kim H.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Tố N phải chịu 5.029.041 đồng.

Nguyên đơn bà Triệu Thị Kim H không phải chịu án phí sơ thẩm và được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV5 -CT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh